

Số: 1133/BVĐK-TCKT
V/v mời cung cấp báo giá

Ninh Bình, ngày 05 tháng 11 năm 2021

Kính gửi: các công ty, đơn vị.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình đang thực hiện quy trình mua sắm một số hàng hóa sau:

Số TT	Tên tài sản, cấu hình	Đơn vị	Số lượng
1.	Máy xử lý mô tự động - Thương hiệu: Milestone - Model: LOGOS - Xuất xứ: Italy (hoặc thiết bị có cấu hình, thông số kỹ thuật tương đương) - Phân nhóm theo Thông tư số 14/2020/TT-BYT của Bộ Y tế (đối với máy chính): Nhóm 3 Cấu hình:	Cái	01
	- Máy chính	máy	01
	- Phụ kiện tiêu chuẩn: + Khay cassette: 01 cái + Thìa chống cháy xước: 01 cái + Đường ống xả hơi: 01 cái	bộ	01
	- Bộ lưu điện $\geq 3\text{kVA}$	chiếc	01
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt	bộ	01
	2.	Máy đúc bệnh phẩm - Thương hiệu: Leica - Model: Histocore Arcadia (H + C + EG F) - Xuất xứ: Trung Quốc (hoặc thiết bị có cấu hình, thông số kỹ thuật tương đương) - Phân nhóm theo Thông tư số 14/2020/TT-BYT của Bộ Y tế (đối với máy chính): Nhóm 6 Cấu hình:	Cái
- Máy chính và phụ kiện tiêu chuẩn	bộ	01	
- Dụng cụ cạo nền	cái	01	
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt	bộ	01	

Số TT	Tên tài sản, cấu hình	Đơn vị	Số lượng
3.	Máy nhuộm tế bào tự động - Thương hiệu: Leica - Model: ST5010 - Xuất xứ: Đức <i>(hoặc thiết bị có cấu hình, thông số kỹ thuật tương đương)</i> - Phân nhóm theo Thông tư số 14/2020/TT-BYT của Bộ Y tế (đối với máy chính): Nhóm 3 Cấu hình:	Cái	01
	- Máy chính và phụ kiện tiêu chuẩn	bộ	01
	- Bộ lọc than hoạt tính	bộ	01
	- Bộ hóa chất nhuộm H&E	bộ	01
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt	bộ	01
4.	Tủ lưu trữ tiêu bản và khối nền - Thương hiệu: Leica - Ký mã hiệu: 9100 - Xuất xứ: Mỹ <i>(hoặc thiết bị có cấu hình, thông số kỹ thuật tương đương)</i> - Phân nhóm theo Thông tư số 14/2020/TT-BYT của Bộ Y tế (đối với tủ chính): Nhóm 3 Cấu hình:	Cái	01
	- Bệ đỡ có gắn các bánh xe khóa được	bộ	01
	- Bảng chỉ mục ngăn kéo	bộ	01
	- Ngăn kéo lưu trữ lam kính	bộ	01
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt	bộ	01
5.	Máy ly tâm lạnh - Thương hiệu: Kubota - Model: 9942 - Xuất xứ: Nhật Bản <i>(hoặc thiết bị có cấu hình, thông số kỹ thuật tương đương)</i> - Phân nhóm theo Thông tư số 14/2020/TT-BYT của Bộ Y tế (đối với máy chính): Nhóm 3 Cấu hình:	Cái	01
	- Rotor kèm Bucket	chiếc	01
	- Cốc chứa 500ml	chiếc	06

Số TT	Tên tài sản, cấu hình	Đơn vị	Số lượng
	- Cốc chứa 400ml	chiếc	06
	- Adapter cho túi 200ml	chiếc	12
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt	bộ	01

(Có yêu cầu kỹ thuật chi tiết đính kèm)

Đề nghị các đơn vị cung cấp báo giá các mặt hàng nêu trên gửi về Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình trước ngày 20/11/2021.

Nơi nhận báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình

Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh, phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; Điện thoại: 02293 871 030.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, TCKT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Chính Chuyên

DANH MỤC YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Kèm theo Thư mời cung cấp báo giá số 1133/BVĐK-TCKT ngày 05/11/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình)

I. MÁY XỬ LÝ MÔ TỰ ĐỘNG

1. Yêu cầu chung

- Năm sản xuất: 2020 trở đi.
- Tình trạng: mới 100%, đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.
- Môi trường hoạt động: nhiệt độ hoạt động tối đa: $\geq +30$ độ C; độ ẩm hoạt động tối đa: ≥ 75 %.
- Sử dụng tương thích với nguồn điện: 220V/50Hz .

2. Chỉ tiêu kỹ thuật

- Máy sử dụng cho mục đích cố định, khử nước, làm sạch, nhúng sáp bệnh phẩm.
- Công suất xử lý ≥ 140 cassettes với bình hóa chất chuẩn 1 gallon. Công suất xử lý ≥ 210 cassettes với bình hóa chất 5 lít.
- Có chương trình chạy xử lý mô mẫu ghép tạng.
- Có chương trình xử lý mẫu dày đến 8mm.
- Có chương trình xử lý song song ở chế độ theo mẻ liên tục.
- Chương trình chạy đáp ứng các hướng dẫn của CAP/ASCO
- Có chức năng ghi lại các hoạt động của máy cho mục đích kiểm tra máy
- Có chức năng hiển thị tóm tắt các thông số trước khi chạy
- Thời gian xử lý mẫu:
 - + Thời gian xử lý mẫu ghép ≤ 35 phút
 - + Thời gian xử lý mẫu dày 1mm ≤ 1 giờ 45 phút
 - + Thời gian xử lý mẫu dày 3mm ≤ 3 giờ 15 phút
 - + Thời gian xử lý mẫu dày 5mm ≤ 6 giờ
- Vỏ máy bằng thép không gỉ.
- Khoang chính:
 - + Phủ bằng Fluoropolymer hoặc tương đương.
 - + Hệ thống gia nhiệt lai: công suất gia nhiệt vi sóng $\geq 800W$ và công suất gia nhiệt điện trở kháng $\geq 640W$.
 - + Cảm biến hóa chất ở ≥ 04 cấp độ
 - + Cảm biến an toàn vi sóng
 - + Áp lực chân không lên đến ≤ 150 mbar
 - + Bộ khuấy từ có điều khiển tốc độ
 - + Có nắp buồng giữ nhiệt
- Khoang sáp:
 - + Công suất $\geq 640W$, có bộ gia nhiệt bằng điện trở kháng điều khiển bằng công nghệ PID
 - + Cảm biến hóa chất ở ≥ 02 cấp độ

- + Áp lực chân không lên đến ≤ 150 mbar
- + Bộ khuấy từ có điều khiển tốc độ
- + Có nắp buồng giữ nhiệt
- Hệ thống hóa chất:
 - + Sử dụng được các loại hóa chất trên thị trường Việt Nam: formalin, xylene, ethanol, isopropanol.
 - + Cửa kéo phía trước giúp kiểm tra, nạp hóa chất dễ dàng
 - + Có ≥ 03 bình ngưng
 - + Có ≥ 09 bình hóa chất (bình 5 lít)
 - Trạm điều khiển cảm ứng:
 - + Hệ điều hành Microsoft Windows CE.NET hoặc tương đương
 - + Màn hình cảm ứng ≥ 8 inch độ phân giải $\geq 800 \times 600$ pixel
 - + Bộ xử lý tốc độ ≥ 500 MHz
 - + Bộ nhớ RAM ≥ 1 Gb
 - + Có cổng mạng Ethernet tốc độ $\geq 10/100$ Mbps
 - Giao diện
 - + Có ≥ 02 cổng kết nối USB
 - + Có cổng kết nối cảnh báo từ xa
 - Bộ lưu điện
 - + Công nghệ: Online
 - + Công suất: ≥ 3 kVA

II. MÁY ĐÚC BỆNH PHẨM

1. Yêu cầu chung

- Năm sản xuất: 2020 trở đi.
- Tình trạng: mới 100%, đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.
- Môi trường hoạt động: nhiệt độ hoạt động tối đa: $\geq +30$ độ C; độ ẩm hoạt động tối đa: ≥ 75 %.
- Sử dụng tương thích với nguồn điện: 220V/50Hz .

2. Chỉ tiêu kỹ thuật

- Dung tích buồng chứa sáp: ≥ 4 lít
- Khả năng chứa khuôn đúc trên bàn làm lạnh: ≥ 60 khuôn đúc
- Thời gian làm đông khuôn đúc: ≤ 30 phút
- Khả năng chứa cassette ở các khay: ≥ 100 cái
- Nhiệt độ bàn làm lạnh: ≤ -6 độ C
- Nhiệt độ buồng chứa sáp: khoảng từ ≤ 50 độ C đến ≥ 75 độ C
- Có kính lúp cho việc đúc các mẫu nhỏ
- Có bộ phận cắt gọt sáp thừa
- Có thể điều chỉnh tốc độ dòng chảy nến
- Chiếu sáng bằng đèn LED trắng
- Các khay chứa sáp thừa có thể tháo rời
- Các khay cassettes, khuôn đúc có nắp, có thể tháo rời và hoán đổi cho nhau

- Kẹp nhiệt: ≥ 6 cái, phân bố hai bên và có thể tháo rời
- Có chức năng lập trình thời gian bắt đầu và kết thúc ngày làm việc
- Có chức năng hiển thị các cảnh báo lỗi khi vận hành trên màn hình
- Có chức năng tăng nhiệt độ để làm nóng chảy sáp nhanh hơn
- Có chức năng chống quá nhiệt của sáp
- Có màng lọc bên trong
- Bề mặt làm việc có các rãnh và các lỗ thoát
- Có chế độ chờ
- Màn hình hiển thị: màn hình LCD $\geq 5,6$ inch tích hợp các phím cảm ứng

III. MÁY NHUỘM TẾ BÀO TỰ ĐỘNG

1. Yêu cầu chung

- Năm sản xuất: 2020 trở đi.
- Tình trạng: mới 100%, đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.
- Môi trường hoạt động: nhiệt độ hoạt động tối đa: $\geq +30$ độ C; độ ẩm hoạt động tối đa: ≥ 75 %.
- Sử dụng tương thích với nguồn điện: 220V/50Hz .

2. Chỉ tiêu kỹ thuật

- Máy nhuộm tiêu bản tự động, thực hiện được nhiều phương pháp nhuộm (nhuộm thường quy H&E, nhuộm PAP, ...), có thể nhuộm song song hai phương pháp nhuộm cùng một lúc.

- Công suất: tối đa ≥ 600 lam kính/giờ
- Khả năng nạp giá mang lam: ≥ 11 giá, mỗi giá chứa được ≥ 30 lam kính
- Số lượng trạm: ≥ 26
- Số lượng trạm rửa: ≥ 5
- Số lượng trạm chứa hóa chất nhuộm: ≥ 18
- Thể tích cốc hóa chất: ≥ 450 ml
- Số lượng chương trình có thể lưu trữ: ≥ 15 chương trình
- Khoảng thời gian ủ: cài đặt được từ 0 - 99 phút 59 giây
- Nhiệt độ buồng ủ: cài đặt được (tắt hoặc lựa chọn trong khoảng ≤ 30 đến ≥ 65 độ C)
- Trạm nạp/ nhả: ≥ 1
- Bảng điều khiển bao gồm:
 - + Màn hình: LCD ≥ 4 dòng với đèn nền, có dòng dành riêng cho các lệnh liên kết với các phím chức năng
 - + Bàn phím chức năng
 - + Các đèn LED tương ứng với các chức năng: Đèn Led thoát: báo hiệu giá nhuộm đã hoàn thành và sẵn sàng được tháo từ kệ thoát. Đèn LED nhuộm: sáng lên khi quá trình nhuộm đang được tiến hành. Đèn LED cảnh báo: báo hiệu một lỗi thiết bị đã xảy ra. Đèn LED nguồn: báo hiệu nguồn được bật
- Có khả năng chỉnh sửa, sao chép, xóa và theo dõi một chương trình chạy
- Có khả năng chạy song song 2 chương trình tương thích cùng một lúc
- Có ≥ 3 khoảng cài đặt số lần giá nhuộm nâng lên/hạ xuống (nhúng)

- + Tắt
- + Từ 1 đến ≥ 20 lần
- + Nhúng liên tục
- Có chức năng tiết kiệm nước: dừng dòng nước khi không có trạm rửa nào được sử dụng
- Có màng lọc đường nước vào
- Có tín hiệu âm báo cho: Các phím khi nhấn. Các phím nhấn không được chấp nhận hoặc thông báo lỗi. Thông báo gỡ giá lam đã được nhuộm thành công. Tín hiệu lỗi của hệ thống.

IV. TỦ LƯU TRỮ TIÊU BẢN VÀ KHỐI NÉN

1. Yêu cầu chung

- Năm sản xuất: 2020 trở đi, mới 100%.
- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương (đối với thiết bị chính).
- Môi trường hoạt động: nhiệt độ hoạt động tối đa: $\geq +30$ độ C; độ ẩm hoạt động tối đa: ≥ 75 %.

2. Chỉ tiêu kỹ thuật

- Chức năng: được sử dụng để lưu trữ các Lam kính
- Lam kính tương thích, tối thiểu: 25 mm x 75 mm x 1 mm \pm 1%
- Công suất lưu trữ: ≥ 10000 lam kính
- Số khung chứa Lam kính: ≥ 02 khung, mỗi khung chứa ≥ 10 ngăn kéo
- Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương
- Hoàn toàn kín trên và dưới đáy đảm bảo không bị bụi bẩn trong quá trình lưu trữ.

V. MÁY LY TÂM LẠNH

1. Yêu cầu chung

- Năm sản xuất: 2020 trở đi.
- Tình trạng: mới 100%, đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.
- Môi trường hoạt động: nhiệt độ hoạt động tối đa: $\geq +30$ độ C; độ ẩm hoạt động tối đa: ≥ 75 %.
- Sử dụng tương thích với nguồn điện: 220V/50Hz .

2. Chỉ tiêu kỹ thuật

- Dung tích ly tâm máu ≥ 12 x 500ml, có thể sử dụng các túi máu dung tích nhỏ như 250ml, 200ml với việc lựa chọn các cốc đựng (adapter) phù hợp.
- Sử dụng hệ thống khóa liên động điện tử.
- Tự động đóng nắp đậy roto khi ly tâm hoặc và mở khi ngừng ly tâm.
- Có màn hình hiển thị LCD.
- Có đèn trạng thái hoạt động và chỉ dẫn còi cho người sử dụng biết tình trạng hoạt động của thiết bị.

- Có chương trình ly tâm và làm lạnh được cài đặt sẵn trên thiết bị. Có chức năng ly tâm bước.
- Bề mặt đáy của các cốc đựng túi máu có độ nghiêng để dễ tháo rời túi máu và để bảo vệ các lớp ly tâm.
- Vật liệu Rotor, cốc đựng túi máu, lồng máy ly tâm đảm bảo chống ăn mòn do độ ẩm, hóa chất tẩy rửa (cồn, javel).
- Sự mất cân bằng có thể chấp nhận khoảng 50 gram. Nếu sự mất cân bằng lớn, bộ cảm biến mất cân bằng tự động dừng máy ly tâm.
- Có hệ thống đăng nhập và đầu đọc mã vạch có sẵn.
- Tốc độ tối đa ≥ 4000 vòng/phút.
- Lực ly tâm RCF tối đa $\geq 5240 \times g$.
- Hệ thống điều khiển: Vi xử lý (Mô tơ không dùng chổi than).
- Các thông số có thể cài đặt và lưu lại: tốc độ, lực ly tâm, thời gian, nhiệt độ, g.sec, tăng tốc/ giảm tốc với ≥ 50 kênh bộ nhớ.
- Hiện thị báo động: Mở nắp, không cân bằng, quá tốc độ, nhiệt độ cao khác thường, chức năng phát hiện sự bất thường trong động cơ điện, bộ biến tần động cơ, khóa liên động, cảm biến tốc độ.
- Tăng tốc/Giảm tốc: ≥ 9 mức lựa chọn.
- Khoảng đặt tốc độ: từ ≤ 100 đến ≥ 4000 vòng/phút, bước điều chỉnh ≤ 10 vòng/phút.
- Cài đặt lực ly tâm RCF: từ ≤ 10 đến $\geq 5240 \times g$, bước điều chỉnh $\leq 10 \times g$ (với g là gia tốc trọng trường).
- Cài đặt thời gian: từ 1 giây đến ≥ 99 giờ, mỗi bước tăng ≤ 1 giây.
- Cài đặt nhiệt độ: từ ≤ -9 độ C đến ≥ 40 độ C, mỗi bước tăng $\leq 0,1$ độ C.
- Hệ thống làm lạnh sử dụng môi chất gas lạnh R404A hoặc tương đương.
- Tiêu chuẩn an toàn điện: IEC61010-2-020 hoặc tương đương.

CÁC YÊU CẦU KHÁC

- Lắp đặt tại nơi sử dụng do cán bộ kỹ thuật đã được đào tạo thực hiện.
- Thời gian giao hàng, lắp đặt hoàn chỉnh thiết bị kể từ khi hợp đồng có hiệu lực: ≤ 90 ngày.
- Đào tạo, hướng dẫn sử dụng, chuyển giao công nghệ cho người sử dụng, bảo quản, cán bộ kỹ thuật sau khi lắp đặt.
- Cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ CO, Giấy chứng nhận chất lượng CQ (bản gốc hoặc bản sao có chứng thực); Tờ khai hải quan, danh sách đóng gói, hóa đơn thương mại (Invoice) (có xác nhận sao y của đơn vị nhập khẩu) (đối với hàng hóa nhập khẩu).
- Có giấy phép lưu hành sản phẩm của Bộ Y tế hoặc Số lưu hành (đối với hàng hóa là thiết bị y tế sản xuất trong nước).
- Có giấy phép nhập khẩu của Bộ Y tế hoặc Số lưu hành hoặc tài liệu tương đương (đối với các thiết bị phải xin phép nhập khẩu theo quy định).

- Yêu cầu về bảo hành, bảo trì, cung cấp phụ tùng, phụ kiện thay thế:
 - + Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhưng không ít hơn 12 tháng kể từ ngày bàn giao nghiệm thu với các lỗi của nhà sản xuất.
 - + Thời gian đáp ứng bảo hành: ≤ 72 giờ kể từ khi nhận được thông báo sự cố thiết bị của chủ đầu tư (thời gian can bộ kỹ thuật có mặt để kiểm tra, khắc phục sự cố).
 - + Cam kết cung cấp phụ tùng, phụ kiện thay thế trong vòng ít nhất 10 năm kể từ ngày bàn giao thiết bị.
- Có giấy phép bán hàng hoặc Giấy ủy quyền cung cấp dịch vụ, hàng hóa theo quy định tại Thông tư 14/2020/TT-BYT của Bộ Y tế.